

Số: /BC-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO TỔNG KẾT

**05 năm thực hiện Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của
HĐND tỉnh Lai Châu, thông qua Đề án về công tác Dân số - Kế hoạch hóa
gia đình tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020**

PHẦN THỨ NHẤT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I. Tình hình chung

1. Thuận lợi

Quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của HĐND tỉnh Lai Châu, thông qua Đề án về công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020 (Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND) luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của cấp ủy, chính quyền các cấp. Các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD) được lồng ghép trong hầu hết các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh, của từng ngành, từng địa phương và được coi là một trong những nội dung quan trọng để chỉ đạo thực hiện.

Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương đảng khóa XII đã thông qua Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới, là cơ sở định hướng quan trọng để tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp về lãnh đạo, chỉ đạo, cơ chế, chính sách, nguồn lực, tổ chức bộ máy... đảm bảo thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu về công tác DS-KHHGD đã đề ra.

Kinh phí địa phương được bố trí đủ theo kế hoạch hằng năm để triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của Nghị quyết.

Nhận thức về công tác DS - KHHGD của các cấp ủy, chính quyền, nhân dân trên địa bàn ngày được nâng cao; các chủ trương, Chính sách của Đảng và Nhà nước về DS - KHHGD được nhân dân đồng tình, ủng hộ và hưởng ứng.

2. Khó khăn

Địa bàn rộng, dân cư phân bố không tập trung, đời sống nhân dân các dân tộc còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí ở nhiều nơi còn thấp. Một số phong tục, tập quán lạc hậu trong hôn nhân, gia đình còn tồn tại khá phổ biến trong cộng đồng các dân tộc.

Đến hết năm 2017 toàn bộ đội ngũ công tác viên dân số không còn được hỗ trợ thù lao hoạt động từ tất cả các nguồn kinh phí, nhiệm vụ của công tác viên dân số được chuyển giao cho nhân viên y tế thôn bản. Phải kiêm thêm nhiệm vụ nhưng thù lao không tăng một số nhân viên y tế thôn, bản chưa nhiệt tình, tâm huyết với công việc; một số địa bàn không có nhân viên y tế thôn, bản (đến hiện tại có 78 thôn, bản, tổ dân phố không có nhân viên y tế thôn, bản) dẫn đến việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết còn gặp nhiều khó khăn.

Nguồn phương tiện tránh thai miễn phí do Trung ương cấp một số thời điểm còn thiếu, không đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng cho người dân thuộc đối tượng ưu tiên có đăng ký sử dụng.

Nguồn kinh phí trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 được phân bổ không đủ để triển khai toàn diện các nội dung hoạt động về công tác DS-KHHGD trên địa bàn tỉnh.

II. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết

1. Công tác chỉ đạo, triển khai, quán triệt

Ngay sau khi Nghị quyết số 38/2018/NQ-HĐND được thông qua. UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết.

Trên cơ sở các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; 100% các cơ quan, ban ngành, đoàn thể tỉnh đã xây dựng kế hoạch thực hiện, lồng ghép các chỉ tiêu về công tác DS - KHHGD vào các nhiệm vụ cụ thể của từng ngành, từng đơn vị; tổ chức triển khai, quán triệt nội dung của Nghị quyết đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động tại đơn vị.

Các Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố đã ban hành Nghị quyết, Chương trình hành động, kế hoạch và nhiều văn bản khác để thực hiện công tác DS – KHHGD; hướng dẫn và chỉ đạo 100% các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế tại từng địa bàn để tổ chức thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết từ cấp cơ sở.

Hàng năm, Ban chỉ đạo các cấp xây dựng kế hoạch hoạt động, tham mưu đưa các chỉ tiêu về dân số vào Nghị quyết, kế hoạch của Đảng ủy, HĐND, UBND cùng cấp, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện để kịp thời điều chỉnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót.

2. Các văn bản đã thực hiện

Trong 05 năm thực hiện Nghị quyết UBND tỉnh đã ban hành 11 văn bản các loại để triển khai các hoạt động về công tác DS – KHHGD trên địa bàn tỉnh.

Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh đã ban hành 16 văn bản để chỉ đạo, quán triệt, triển khai các nội dung về công tác DS-KHHGD tại cơ quan, đơn vị đồng

thời lồng ghép các nội dung hoạt động về công tác DS-KHHGD trong nhiều chương trình, kế hoạch hoạt động khác của cơ quan, đơn vị.

UBND các huyện, thành phố đã ban hành trên 30 văn bản để triển khai thực hiện tại cấp huyện.

(Có phụ lục số 01 kèm theo)

III. Kết quả đạt được

1. Quy mô dân số và mức sinh

- Mục tiêu 1: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2020 đạt 17,43‰ (*tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân 19‰/năm*)

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trên toàn tỉnh năm 2015 là 19,13‰, đến năm 2020 giảm còn 15,96‰; vượt 1,47‰ so với mục tiêu của Nghị quyết đề ra (17,43‰); trong đó tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2020 tại các huyện, thành phố đạt lần lượt là: thành phố Lai Châu 12‰, huyện Tam Đường 16,3‰, huyện Phong Thổ 17,44‰, huyện Sìn Hồ 19‰, huyện Mường Tè 16,26‰, huyện Nậm Nhùn 18‰, huyện Tân Uyên 17,47‰, huyện Than Uyên 12,8‰.

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân trên toàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 đạt 16,86‰, vượt 2,14‰ so với mục tiêu của Nghị quyết đề ra (*tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân 19‰/năm*)

- Mục tiêu 2: Mức giảm tỷ lệ sinh 0,5‰/năm

Tỷ suất sinh thô năm 2015 trên toàn tỉnh là 24,54‰, đến năm 2020 tỷ suất sinh thô giảm còn 19,92‰. Tỷ suất sinh thô trên toàn tỉnh đã giảm 4,62‰ sau 5 năm, mức giảm tỷ lệ sinh bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 0,92‰/năm, vượt 0,42‰ so với mục tiêu của Nghị quyết đề ra (0,5‰); trong đó mức giảm tỷ lệ sinh bình quân giai đoạn 2016-2020 tại các huyện, thành phố đạt lần lượt là: thành phố Lai Châu 1,32‰, huyện Tam Đường 1,1‰, huyện Phong Thổ 0,69‰, huyện Sìn Hồ 0,4‰, huyện Mường Tè 0,62‰, huyện Nậm Nhùn 0,6‰, huyện Tân Uyên 0,9‰, huyện Than Uyên 1,34‰.

- Mục tiêu 3: Đến năm 2020 tổng tỷ suất sinh (TFR) dưới 2,3 con/1 phụ nữ

Tổng tỷ suất sinh (số con bình quân của 1 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) năm 2015 tại tỉnh là 3,11 con/1 phụ nữ, đến năm 2020 tổng tỷ suất sinh giảm xuống còn 2,61 con/1 phụ nữ. Sau 05 tổng tỷ suất sinh tại tỉnh đã giảm được 0,5 con/1 phụ nữ. Tuy vậy đến năm 2020 TFR vẫn chưa đạt mức dưới 2,3 con/1 phụ nữ theo mục tiêu của Nghị quyết đề ra.

- Mục tiêu 4: Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ ba trở lên giảm từ 0,5-1%/năm

Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ ba trở lên trên toàn tỉnh năm 2015 là 24%, đến năm 2020 tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ ba trở lên giảm xuống còn 20,31%. Sau 05 năm thực hiện Nghị quyết tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ ba trở lên tại tỉnh đã giảm 3,88%, trung bình mỗi năm tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ ba trở lên giảm 0,78%, đạt mục tiêu theo Nghị quyết đề ra (giảm từ 0,5-1%)

Mặc dù điều kiện kinh tế xã hội tại tỉnh còn nhiều khó khăn, chất lượng dân số ở đồng bào các dân tộc còn thấp, điều kiện sử dụng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình còn nhiều hạn chế song mục tiêu giảm sinh tại tỉnh trong thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định, thành tựu giảm sinh trong giai đoạn này không chỉ làm giảm đáng kể áp lực gia tăng dân số đến các vấn đề phát triển kinh tế xã hội mà còn là cơ sở để tạo ra một bước chuyển đổi có tính căn bản trong lĩnh vực sức khỏe sinh sản, các cặp vợ chồng chuyển từ việc sinh tự nhiên với mức sinh cao sang việc sinh chủ động (có kế hoạch) với mức sinh thấp, hợp lý để có điều kiện nuôi dạy, chăm sóc con cái, hạnh phúc gia đình. Đây là giai đoạn có mức giảm sinh nhanh và có tính chất bước ngoặt tạo tiền đề cho việc đạt mức sinh thay thế tại tỉnh Lai Châu vào những năm tới.

2. Cơ cấu dân số

- Mục tiêu 5: Tỷ số giới tính khi sinh hằng năm tăng không quá 0,5 điểm %; tỷ số giới tính khi sinh dưới 113 bé trai/100 bé gái.

Tỷ số giới tính khi sinh năm 2015 là 109,19 bé trai/100 bé gái, đến năm 2020 tỷ số giới tính khi sinh là 112,14 bé trai/100 bé gái. Tỷ số giới tính khi sinh bình quân giai đoạn 2016-2020 là 110,06 bé trai/100 bé gái, đạt mục tiêu hạn chế tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh theo Nghị quyết đề ra.

Dân số trung bình năm 2020 là 473.510 người. Trong đó số trẻ em dưới 15 tuổi là 144.713 người, chiếm 30,56%, số người trong độ tuổi lao động từ 15-60 tuổi là 298.483 người, chiếm 63,04% tổng dân số, số người trên độ tuổi lao động là 30.314 người, chiếm 6,4% tổng dân số. Tỷ số phụ thuộc trẻ em (từ 0 -14 tuổi) năm 2020 là 48,5%, tỷ số phụ thuộc già (từ 60 tuổi trở lên) là 10,16%, tỷ số phụ thuộc chung là 58,64%.

3. Chất lượng dân số

- Mục tiêu 6: Đến năm 2020 tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh đạt 15%.

Hoạt động sàng lọc trước sinh được triển khai mở rộng đến các trạm y tế có điều kiện giao thông đi lại thuận lợi và có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực thực hiện dịch vụ kỹ thuật sàng lọc. Sau 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, đã thực hiện sàng lọc trước sinh cho 3.891 phụ nữ mang thai, trong đó thành phố Lai Châu là 171 người, huyện Tam Đường 959 người, huyện Phong Thổ 464 người, huyện Sìn Hồ 153 người, huyện Mường Tè 226 người, huyện Nậm Nhùn 149, huyện Tân Uyên 995 người, huyện Than Uyên 774 người. Tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh đến năm 2020 đạt 20,8%, vượt 5,8% so với mục tiêu của Nghị quyết đề ra.

Qua sàng lọc chẩn đoán đã phát hiện 152 trường hợp nghi ngờ mắc các bệnh, tật bẩm sinh cụ thể: 122 trường hợp nghi mắc hội chứng Down (thành phố 8, Than Uyên 17, Tân Uyên 33, Tam Đường 31, Phong Thổ 16, Nậm Nhùn 4, Mường Tè 13); 13 trường hợp nghi ngờ mắc bệnh Edwards (thành phố 1, Tam

Đường 5, Tân Uyên, Than Uyên 01, Phong Thổ 04); 03 trường hợp mắc hội chứng Patau (Tam Đường 1, Tân Uyên 1, Mường Tè 1); 23 trường hợp dị tật ống thần kinh (Mường Tè 1, Nậm Nhùn 1, Phong Thổ 7, Tam Đường 6, Tân Uyên 5, Than Uyên 2, Thành phố 1); nghi ngờ mắc bệnh khác 14 (Tam Đường 5, Tân Uyên 4, Phong Thổ 2, Than Uyên 02, Mường Tè 01). Những ca nghi ngờ mắc bệnh cơ quan chuyên môn đã thông báo kết quả chẩn đoán tới gia đình, tư vấn cho gia đình tới các cơ sở Y tế có đủ điều kiện để tiếp tục thực hiện các xét nghiệm chẩn đoán nâng cao và có các giải pháp can thiệp, điều trị phù hợp, kịp thời.

- Mục tiêu 7: Đến năm 2020 tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc đạt 30%.

Tổng số trẻ sinh ra được sàng lọc sơ sinh trong thời gian thực hiện Nghị quyết là 9.404 trẻ; trong đó (thành phố Lai Châu 564 trẻ, huyện Tam Đường 1.714 trẻ, huyện Phong Thổ 1.490 trẻ, huyện Sìn Hồ 1310 trẻ, huyện Mường Tè 1.078 trẻ, huyện Nậm Nhùn 269 trẻ, huyện Tân Uyên 1.134 trẻ, huyện Than Uyên 1.845 trẻ). Tỷ lệ trẻ sinh ra được sàng lọc sơ sinh đến năm 2020 đạt 33,53%, vượt 3,53% so với mục tiêu của Nghị quyết đề ra.

Qua sàng lọc chẩn đoán đã phát hiện 1.043 trẻ nghi ngờ mắc bệnh tật bẩm sinh cụ thể: 967 trường hợp nghi mắc bệnh thiếu men G6PD trong đó (Than Uyên 259, Tân Uyên 189, Tam Đường 143, Thành phố 15, Phong Thổ 160, Sìn Hồ 76, Nậm Nhùn 30, Mường Tè 95); 65 trường hợp nghi ngờ mắc bệnh suy giáp bẩm sinh trong đó (Thành Phố 8, Sìn Hồ 15, Tân Uyên 3, Phong Thổ 9, Than Uyên 11, Tam Đường 13, Mường Tè 6). 11 trường hợp nghi ngờ mắc các bệnh tật khác (Tân Uyên 2, Phong Thổ 4, Than Uyên 1, Tam Đường 1, thành phố 3).

Những ca nghi ngờ mắc bệnh cơ quan chuyên môn đã thông báo kết quả chẩn đoán tới gia đình, thực hiện xét nghiệm chẩn đoán nâng cao lần 2, tư vấn cho gia đình thực hiện các giải pháp hỗ trợ điều trị, phương pháp xử lý khi xuất hiện các triệu chứng phát bệnh để tránh những biến chứng nguy hiểm; cử cán bộ y tế thường xuyên theo dõi sức khỏe, quá trình phát triển của trẻ.

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, cùng với thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn triển khai một số chương trình, đề án, mô hình nâng cao chất lượng dân số khác như: Đề án tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ cho vị thành niên, thanh niên; mô hình can thiệp giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; mô hình can thiệp giảm tỷ lệ mắc bệnh tan máu bẩm sinh, đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh... qua triển khai thực hiện các hoạt động của mô hình, đề án bước đầu đã mang lại những hiệu quả nhất định:

+ Đề án tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ cho vị thành niên, thanh niên (VTN/TN): triển khai thực hiện tại 04 huyện, thành phố (TP Lai Châu, Tam Đường, Tân Uyên, Than Uyên). Tổ chức cung cấp thông tin và kiến thức, dịch vụ DS-KHHGD, sức khỏe sinh sản, tư vấn thân thiện về sức khỏe tiền hôn nhân,

tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, các yếu tố nguy cơ dẫn đến bệnh tật bẩm sinh của trẻ cho VTN/TN trước khi kết hôn.

+ Mô hình can thiệp giảm tỷ lệ mắc bệnh tan máu bẩm sinh: triển khai tại 26 xã thuộc 6 huyện (huyện Tam Đường 4 xã, Phong Thổ 5 xã, Sìn Hồ 4 xã, Mường Tè 3 xã, Tân Uyên 5 xã, Than Uyên 5 xã). Tập chung tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của người dân về nguyên nhân, hậu quả, cách phòng tránh và các biểu hiện của bệnh tan máu bẩm sinh. Vận động các cặp vợ chồng có ý định sinh con, những phụ nữ đang mang thai chủ động tới các cơ sở y tế thực hiện xét nghiệm chẩn đoán bệnh tan máu bẩm sinh trước khi mang thai hoặc sinh con.

+ Đề án nâng cao chất lượng dân số các dân tộc ít người: Triển khai tại 37 xã, thành lập 43 câu lạc bộ với hơn 1.811 thành viên tham gia. Tổ chức 163 hội nghị, tuyên truyền, tư vấn, 6.040 buổi nói chuyện chuyên đề về hệ lụy tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, quy định của Luật hôn nhân và gia đình tại cộng đồng, cấp phát 8.800 tờ gấp, 842 tờ áp phích và hàng năm tuyên truyền tại 31 trường THPT, Dân tộc nội trú, Trung tâm giáo dục thường xuyên tại các huyện, thành phố. Thông qua các hoạt động triển khai của mô hình, nhận thức của người dân về tác hại hệ lụy của tảo hôn, kết hôn cận huyết thống đã có những chuyển biến tích cực, phần lớn các già làng, trưởng bản, các bậc cha, mẹ đã cam kết không để con, cháu tảo hôn hoặc kết hôn cận huyết thống và đưa nội dung của Luật hôn nhân và gia đình vào quy ước của bản.

+ Mô hình tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân: Triển khai tại 16 xã thuộc 8 huyện và 10 trường THPT. Tổ chức 1.400 buổi nói chuyện chuyên đề, tư vấn sức khỏe tiền hôn nhân tại cộng đồng, 499 buổi truyền thông cho vị thành niên, thanh niên trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa tại các trường THCS, THPT, DTNT; tư vấn 75.563 lượt học sinh; 845 lượt tuyên truyền trên Đài PT-TH và phát thanh tại các xã, thị trấn.

+ Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh: tổ chức các hội nghị, nói chuyện chuyên đề về hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi về giới và bình đẳng giới tại các trường học, khu dân cư.

+ Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: Trong giai đoạn 2017-2020 tập trung triển khai tại 32 xã trên địa bàn tỉnh (*thành phố Lai Châu 3 xã phường, Tam Đường 4 xã, Phong Thổ 5 xã, Sìn Hồ 7 xã, Mường Tè 4 xã, Nậm Nhùn 3 xã, Tân Uyên 3 xã, Than Uyên 3 xã*).

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, hướng dẫn người cao tuổi kỹ năng phòng bệnh và tự chăm sóc sức khỏe thích ứng với giai đoạn già hóa dân số; xây dựng, phát triển phong trào chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại địa phương. Cải thiện tình trạng sức khỏe cho người cao tuổi, tăng số người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm.

Lồng ghép tổ chức 24 cuộc hội nghị chuyên đề về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; thành lập câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và lồng ghép truyền thông tại 32 xã. Tổ chức 1.668 buổi truyền thông tại cơ sở, trong câu lạc bộ và nhân Ngày quốc tế người cao tuổi. Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ hằng năm, trung bình 91%.

4. Cung cấp dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình

Mục tiêu 8: Tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại tăng từ 0,5-1%/năm.

Hệ thống cung cấp dịch vụ được củng cố và phát triển, hệ thống bệnh viện, phòng khám và cơ sở y tế được đầu tư nâng cấp về cơ sở vật chất, trang thiết bị, y dụng cụ KHHGD. Việc cung cấp dịch vụ KHHGD đã được triển khai đa dạng, đảm bảo thuận tiện, sẵn có, bước đầu đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng. Trong giai đoạn 2015 - 2020 trung bình mỗi năm đã thực hiện cung cấp miễn phí khoảng 5.500 chiếc vòng tránh thai, 70.000 vỉ thuốc uống tránh thai các loại, 13.500 lọ thuốc tiêm tránh thai, 100 que cấy tránh thai và 110.000 chiếc bao cao su cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng.

Công tác tiếp thị xã hội các loại phương tiện tránh thai tiếp tục được triển khai thực hiện, phần lớn người dân không thuộc đối tượng ưu tiên đã chấp nhận cùng thực hiện chi trả kinh phí khi sử dụng các phương tiện tránh thai. Trung bình mỗi năm thực hiện phân phối trên 40.000 chiếc bao cao su, 5.000 vỉ thuốc uống tránh thai kết hợp.

Tỷ lệ cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ đang áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại năm 2015 là 65,26%, đến năm 2020 đạt 69,54%, tăng 4,28% sau 05 năm, trung bình mỗi năm tăng 0,85%; đạt mục tiêu nghị quyết đề ra.

(Có phụ lục số 02 kèm theo)

IV. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

1. Kiện toàn tổ chức bộ máy, đào tạo tập huấn

Đội ngũ cán bộ làm công tác Dân số-KHHGD từ tỉnh đến cơ sở được quan tâm, kiện toàn. Đến năm 2020 có 164 biên chế được giao để tham mưu, thực hiện công tác Dân số-KHHGD trên toàn tỉnh trong đó: Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình được giao: 13 biên chế, Trung tâm Y tế các huyện, thành phố được giao 35 biên chế và 106 biên chế làm công tác dân số tại các xã, phường, thị trấn.

Đến hết năm 2017 nhiệm vụ của công tác viên dân số thôn bản đã được chuyển giao cho nhân viên y tế thôn bản thực hiện.

Để đảm bảo tổ chức bộ máy làm công tác DS-KHHGD được tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW. Năm 2019 thực hiện việc sáp nhập Trung tâm Dân số - KHHGD với Trung tâm Y tế cấp huyện thành phòng Dân số thuộc Trung tâm Y tế huyện.

Hàng năm cơ quan chuyên môn đã cử trên 20 lượt công chức, viên chức đi đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị; Phối hợp với Bệnh viện phụ sản Trung ương tổ chức tập huấn kỹ thuật lấy mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh, kỹ năng tư vấn trong sàng lọc sơ sinh cho trên 40 cán bộ làm công tác y tế, dân số trên địa bàn tỉnh. Cử 10 bác sĩ tham gia các lớp đào tạo về siêu âm cơ bản, siêu âm nâng cao tại Bệnh viện phụ sản Trung ương. Tổ chức 11 lớp tập huấn chuyên giao nhiệm vụ làm cộng tác viên dân số cho 476 nhân viên y tế thôn bản.

Mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm kiện toàn cả về cơ sở vật chất, con người, đến năm 2020 phần lớn các xã trên địa bàn tỉnh đã thực hiện cung cấp được các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cơ bản.

2. Truyền thông giáo dục chính sách dân số

Nội dung, hình thức truyền thông, vận động được đổi mới, cách tiếp cận phù hợp với từng vùng, từng nhóm đối tượng đã đem lại những hiệu quả thiết thực. Hàng năm duy trì hoạt động trên 200 câu lạc bộ “Nông dân thực hiện kế hoạch hoá gia đình”, “Phụ nữ kế hoạch hoá gia đình”, “Câu lạc bộ không sinh con thứ 3 trở lên”, “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”, “5 không – 5 việc”, “Xây dựng gia đình hạnh phúc”, “Gắn kết mẹ và con” tại cơ sở, Giáo dục dân số, giới và bình đẳng giới, sức khỏe sinh sản vị thành niên được đưa vào các chương trình ngoại khóa ở các trường trung học phổ thông, trường dân tộc nội trú, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường chính trị và trung tâm bồi dưỡng chính trị tại các huyện, thành phố và nhiệm vụ của các ban ngành, đoàn thể.

Trong tổ chức các hoạt động truyền thông thường xuyên, truyền thông tại địa bàn có mức sinh cao, địa bàn có sự mất cân bằng của tỷ số giới tính khi sinh, địa bàn có chất lượng dân số thấp luôn có sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể. Hàng năm tổ chức trên 2.500 buổi nói chuyện chuyên đề, thảo luận nhóm; 3.000 lượt tuyên truyền thực hiện chính sách dân số; 65.000 lượt tuyên truyền tư vấn tại hộ gia đình; 2.400 lượt truyền thông về tác hại của tảo hôn, kết hôn cận huyết thống; 60 lượt tuyên truyền cổ động; trên 450 băng zôn, khẩu hiệu tuyên truyền nhân dịp kỷ niệm ngày Dân số thế giới (11/7), tháng hành động quốc gia về Dân số, ngày Dân số Việt Nam (tháng 12), trước và trong chiến dịch...; nhân bản, cấp nhiều loại tờ gấp (19.000 tờ/loại/năm), 72 tờ áp phích và các tài liệu, ấn phẩm truyền thông về không lựa chọn giới tính thai nhi, không tảo hôn, không kết hôn cận huyết thống, chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên/thanh niên, lợi ích thực hiện sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh và kế hoạch hóa gia đình...

Các ban, ngành, đoàn thể đã tích cực phối hợp với cơ quan thường trực chỉ đạo triển khai công tác DS - KHHGD; lồng ghép tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số, nâng cao chất lượng dân số, vận động các cặp vợ chồng thực hiện kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, can thiệp giảm tảo hôn, không kết hôn cận huyết

thông, không lựa chọn giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, nâng cao chất lượng dân số cho các dân tộc ít người...

Công tác truyền thông, vận động thực hiện pháp lệnh dân số đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động của từng cá nhân và toàn xã hội, góp phần quan trọng vào kết quả thực hiện mục tiêu giảm sinh và nâng cao chất lượng dân số.

Các hoạt động truyền thông về DS - KHHGD, nâng cao chất lượng dân số từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu và hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương được sử dụng đúng mục đích, mang lại hiệu quả.

3. Công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ

Các ban, ngành, đoàn thể đã tích cực vào cuộc và phối hợp với cơ quan thường trực chỉ đạo triển khai công tác DS-KHHGD, lồng ghép tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số và các văn bản pháp luật liên quan tới nhân dân. Các mô hình truyền thông được triển khai trên cơ sở thế mạnh của mỗi ngành và đảm bảo tiếp cận phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Các chính sách về dân số - kế hoạch hóa gia đình được đưa vào quy ước, hương ước của thôn, bản, tổ dân phố và tiêu chí bình xét các danh hiệu văn hóa trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn tỉnh Lai Châu

4. Khen thưởng, xử lý vi phạm chính sách dân số

Trong giai đoạn 2016 - 2020 đã khen thưởng cho 115 thôn, bản, tổ dân phố trong 3 năm liên tục không có người vi phạm chính sách DS-KHHGD. Xem xét xử lý 33 trường hợp là đảng viên vi phạm chính sách dân số. Các thôn, bản, tổ dân phố đã thực hiện xử lý 346 trường hợp vi phạm chính sách dân số theo các quy ước, hương ước của thôn, bản, tổ dân phố.

(Có phụ lục số 03 kèm theo)

V. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện các hoạt động công tác Dân số-KHHGD giai đoạn 2016 - 2020 trên toàn tỉnh là: 26.848 triệu đồng. Trong đó:

- Kinh phí Trung ương là: 15.273 triệu đồng.
- Kinh phí địa phương là: 11.399 triệu đồng.
- Kinh phí dự án nước ngoài là: 177 triệu đồng.

VI. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Cấp ủy, chính quyền các cấp đã nghiêm túc triển khai thực hiện, cụ thể hóa các mục tiêu về công tác DS-KHHGD vào Nghị quyết của cấp ủy, chính quyền địa phương, rà soát chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động tại thôn bản. Một số

đơn vị đã nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ đảng viên vi phạm chính sách dân số. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã có sự phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện, công tác DS-KHHGD từng bước hoạt động có hiệu quả và chất lượng.

Nghị quyết được triển khai góp phần nâng cao nhận thức trong nhân dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ và tích cực tham gia thực hiện công tác DS-KHHGD. Từng bước xóa bỏ được các hủ tục, quan niệm lạc hậu về công tác DS-KHHGD và nâng cao chất lượng dân số.

Kết quả đến hết năm 2020, 7/8 chỉ tiêu của Nghị quyết đạt và vượt so với mục tiêu đề ra.

2. Tồn tại hạn chế

Đến năm 2020 Lai Châu vẫn là một trong những tỉnh chưa đạt mức sinh thay thế, xu hướng giảm sinh chưa thực sự vững chắc và có nguy cơ tăng sinh trở lại. Số phụ nữ sinh con thứ ba trở lên còn chiếm tỷ lệ cao (20,31% năm 2020) đặc biệt tỷ lệ này có sự chênh lệch đáng kể giữa các khu vực trong tỉnh, những nơi có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn lại có tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên cao hơn và tập trung nhiều ở các huyện Sìn Hồ, Mường Tè, Nậm Nhùn, Phong Thổ. Điều này không chỉ không đạt các mục tiêu về dân số và sức khỏe sinh sản theo kế hoạch thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam, kéo dài thời gian phấn đấu đạt mức sinh thay thế mà còn tác động lớn đến các mục tiêu xóa đói giảm nghèo và quá trình phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

Số cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và nhân dân vi phạm chính sách dân số còn cao. Trong 4 năm (từ năm 2016 - 2020) có 5.476 lượt người vi phạm chính sách dân số trong đó: có 55 người là cán bộ công chức viên chức; 114 người là đảng viên, 5.139 trường hợp là người dân.

Số bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh, số trẻ em sinh ra được sàng lọc sơ sinh trong những năm đầu triển khai thực hiện Nghị quyết còn thấp, không đạt theo mục tiêu hàng năm của Nghị quyết đề ra. Kinh phí quyết toán hoạt động sàng lọc trước sinh, sơ sinh còn dư so với dự toán được giao.

3. Nguyên nhân

Đội ngũ làm công tác dân số các cấp thường xuyên biến động, một số nhân viên y tế thôn bản không nhiệt tình, tâm huyết với công việc khi phải kiêm thêm nhiệm vụ của công tác viên dân số.

Cấp ủy, chính quyền một số nơi, đặc biệt là cấp xã chưa thực sự quan tâm chỉ đạo, chưa cương quyết xử lý cán bộ, đảng viên sinh con thứ 3 trở lên; chưa tích cực vào cuộc, can thiệp các trường hợp tảo hôn và kết hôn cận huyết thống.

Nội dung, hình thức, phương pháp truyền thông ở một số nơi chưa đổi mới, chưa phù hợp với các nhóm đối tượng, hiệu quả công tác truyền thông chưa cao.

Công tác phổ biến giáo dục pháp luật về DS-KHHGD, Luật hôn nhân và gia đình còn hạn chế. Sự vào cuộc của các Ban, ngành, đoàn thể ở cơ sở chưa được thường xuyên.

Đầu tư nguồn vốn từ chương trình mục tiêu Y tế - Dân số bị cắt giảm hàng năm, kinh phí chương trình DS-KHHGD không đủ để triển khai toàn diện các hoạt động của chương trình.

Việc triển khai thực hiện dịch vụ sàng lọc trước sinh, sơ sinh còn gặp nhiều khó khăn do điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, nhân lực tại các cơ sở y tế chưa đảm bảo để triển khai dịch vụ. Việc thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm trong sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh đến hiện tại tỉnh Lai Châu chưa thực hiện được.

4. Bài học kinh nghiệm

a) Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư, đặc biệt là vai trò của người đứng đầu là yếu tố quyết định sự thành công của việc thực hiện chính sách DS-KHHGD.

b) Tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên có ảnh hưởng sâu rộng, lan tỏa đến việc thực hiện các mục tiêu về dân số. Thực tế cho thấy, những nơi cán bộ, đảng viên gương mẫu thì công tác dân số được quan tâm và thực hiện tốt.

c) Tuyên truyền, giáo dục kết hợp với cung cấp dịch vụ thường xuyên, liên tục phù hợp với từng vùng, đối tượng theo từng giai đoạn là một trong những nhân tố quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu giảm sinh giai đoạn vừa qua.

d) Đội ngũ cán bộ chuyên trách, công tác viên dân số, tuyên truyền viên với phương châm “Đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng đối tượng” kiên trì thường xuyên, liên tục tuyên truyền vận động đến từng cặp vợ chồng, từng gia đình đã chuyển tải các thông điệp về dân số và lan tỏa, thấm sâu trong toàn xã hội.

VII. Kiến nghị đề xuất

1. Đối với HĐND tỉnh

Xem xét ban hành Nghị quyết về công tác Dân số và phát triển giai đoạn 2021-2025 để có các quy định cụ thể về cơ chế, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch về công tác dân số và phát triển theo mục tiêu Kế hoạch số 137-KH/TU ngày 20/3/2018 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

2. Đối với Bộ Y tế

Cung cấp đầy đủ, kịp thời, đa dạng phương tiện tránh thai các loại đảm bảo đáp ứng được nhu cầu sử dụng của người dân.

Sớm ban hành văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy làm công tác dân số các cấp thống nhất trên cả nước để triển khai thực hiện.

Ưu tiên đầu tư kinh phí cho các tỉnh vùng sâu vùng xa, vùng biên giới, vùng có mức sinh cao đảm bảo có đủ kinh phí để triển khai toàn diện các nội dung hoạt động về công tác dân số và phát triển trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW.

Trên đây là báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của HĐND tỉnh Lai Châu, thông qua Đề án về công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020 của UBND tỉnh Lai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (B/c) ;
- TT: Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh (B/c) ;
- Tổng cục Dân số-KHHGĐ Bộ Y tế;
- Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- TV BCĐ Công tác DS-KHHGĐ tỉnh;
- BCĐ Công tác DS-KHHGĐ huyện, thành phố;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải